TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày: 18 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thu và bà Khương Thị Lơ .

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 22/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HS ngày 05/2/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982, tại xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; HKTT và chỗ ở: thôn V, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1, sinh 1956 và bà Ngô Thị M, sinh 1958; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị P, sinh 1985, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 02/7/2022, Công an huyện G, tỉnh Bắc Ninh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản (bị cáo đã chấp hành xong);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2024 đến ngày 05/12/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Bùi Năng P1, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu T, thị trấn L, huyện C,

tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Anh Vũ Trọng B, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn Đ, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

* Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Chiến H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

+ Cháu Bùi Vũ Thảo V, sinh năm 2016. Vắng mặt.

* **Điểm cầu trung tâm gồm:** Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

* **Điểm cầu thành phần:** Bị cáo Nguyễn Hữu T; Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H1 - Cán bộ Tòa án huyện C; bà Bùi Hoàng H2 - Kiểm sát viên VKSND huyện Cẩm Giàng và ông Nguyễn Đức S - Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 30/11/2024, Nguyễn Hữu T điều khiển xe môtô Nouvo BKS 15B1–162.12 (của T) đi từ xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đến thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đến cửa hàng Đ1 của anh Bùi Năng P1, sinh năm 1983, ở khu T, thị trấn L. T đi vào trong cửa hàng thì gặp cháu Bùi Vũ Thảo V1, sinh năm 2016 (là con gái của anh P1) đang ngồi chơi ở khu vực quầy bán hàng. T bảo với cháu V1 là đến sửa điện thoại rồi lợi dụng cháu V1 không để ý đã lén lút lấy 01 điện thoại Samsung A5-2017 để trên mặt bàn cất vào túi quần. Sau đó, T đi vào quầy sửa chữa điện thoại lấy 01 điện thoại Iphone X ở trên ghế; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Iphone XS Max, 01 điện thoại Samsung S20 Plus trong ngăn kéo quầy sửa chữa cất vào túi áo. Sau đó, T đi ra ngoài và điều khiển xe đến cửa hàng Đ2 ở thôn L, xã Đ, huyện C của anh Nguyễn Chiến H, sinh năm 1994, đặt vấn đề bán 01 điện thoại Iphone Xs Max và 01 điện thoại Iphone X màu đen. Do T không mở được mật khẩu điện thoại nên anh H không đồng ý mua. Do sợ hành vi phạm tội bị phát hiện, T đã vứt 04 điện thoại trộm

cắp được xuống ao trên đường C, phường V, thành phố H, còn 01 điện thoại Samsung A5-2017 Trường mang về nhà cất giấu. Ngày 02/12/2024, T đến Công an huyện C tự thú.

Ngày 02/12/2024, Nguyễn Hữu T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại S1, 01 mũ bảo hiểm màu xanh, 01 áo khoác dài tay, 01 quần jean và xe môtô BKS 15B1-162.12.

Ngày 02/12/2024, Nguyễn Hữu T chỉ dẫn Cơ quan điều tra đến ao cá trên đường C, phường V, thành phố H là địa điểm bị cáo đã vứt 04 điện thoại. Cơ quan điều tra rà soát, thu giữ được 01 điện thoại Iphone X.

Ngày 01/12/2024 và ngày 02/12/2024, Cơ quan điều tra quản lý 01 đoạn video thu tại camera cửa hàng điện thoại Sài Gòn M ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của T và 03 đoạn video thu tại camera cửa hàng Đ2 ghi lại hình ảnh T đến bán điện thoại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61 ngày 04/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện C, kết luận: 01 điện thoại Iphone X có giá trị 2.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 7 Plus có giá trị 2.100.000 đồng; 01 điện thoại Iphone XSMax có giá trị 4.200.000 đồng; 01 điện thoại Samsung S20 Plus có giá trị 2.000.000 đồng; 01 điện thoại Samsung A5-2017 có giá trị 700.000 đồng. Tổng trị giá tài sản tại thời điểm bị trộm cắp là 11.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định điện thoại Iphone X là tài sản của anh Bùi Năng P1; điện thoại S1 là tài sản của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966, ở thôn A, xã Đ, huyện C; điện thoại Iphone 7 Plus là tài sản của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, ở thôn L, xã H, huyện B; điện thoại Iphone XS Max là tài sản của anh Vũ Trọng B, sinh năm 1992, ở thôn Đ, thị trấn L; điện thoại Samsung S20 Plus là tài sản của anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984, ở khu T, thị trấn L để tại cửa hàng của anh P1 để sửa chữa. Ngày 14/01/2025, Cơ quan điều tra đã trả 02 điện thoại quản lý được cho anh Bùi Năng P1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh Bùi Năng P1 số tiền 8.300.000 đồng. Anh P1 đã trả lại điện thoại cho ông C, trả tiền cho các anh Nguyễn Văn Đ, Vũ Trọng B, Hoàng Văn N, không ai có đề nghị gì khác.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 22/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản

2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ 08 đến 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 02/12/2024. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm, 01 áo khoác dài tay, 01 quần jean màu đen; tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước trị giá chiếc xe môtô nhãn nhiệu Nouvo BKS 15B1-162.12 kèm theo đăng ký xe. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung nêu trên, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu T phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, vật chứng và video thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 30/11/2024 tại cửa hàng điện thoại "Sài Gòn M" của anh Bùi Năng P1, sinh năm 1983, ở khu T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Hữu T đã có hành vi trộm cắp 05 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Iphone XS Max, 01 điện thoại Samsung S20 Plus, 01 điện thoại Iphone X màu đen và 01 điện thoại Samsung A5-2017. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 11.500.000 đồng với mục đích đem đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

[3]. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người

khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, đã lén nút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 11.500.000đ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu đã bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội 30/11/2024, bị cáo đã đến cơ quan điều tra tự thú về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật, song dù có chiếu cố đến đâu vẫn phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động nhờ em trai là anh Nguyễn Hữu N1 bồi thường cho anh Bùi Năng P1 số tiền 8.300.000 đồng. Anh P1 đã trả lại điện thoại cho ông C, trả tiền cho các anh Nguyễn Văn Đ, Vũ Trọng B, Hoàng Văn N, không ai có đề nghị gì khác nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án đã được giải quyết xong; anh Nguyễn Hữu N1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện giao nộp 01 mũ bảo hiểm màu xanh đậm, 01 áo khoác dài tay nhãn hiệu The North Face màu đen, tay áo sọc sám, 01 quần bò jean màu đen. Đây là tư trang cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện không nhận lại. Xét các tài sản trên không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

Quản lý và thu giữ chiếc xe môtô nhãn hiệu Nouvo BKS 15B1-162.12 kèm theo đăng ký mô tô, xe máy số 076959 do Công an thành phố H cấp ngày 29/6/2011. Đây là tài sản riêng của bị cáo đã sử dụng làm phương tiện dùng vào

việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá chiếc xe môtô nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T **08** (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 02/12/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu xanh đậm, 01 áo khoác dài tay nhãn hiệu The North Face màu đen, tay áo sọc sám, 01 quần bò jean màu đen.

- Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá 01 xe môtô nhãn hiệu Nouvo BKS 15B1-162.12, kèm theo đăng ký mô tô, xe máy số 076959 do Công an thành phố H cấp ngày 29/6/2011.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 23/01/2025).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Ngọc Khuyến